

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **33/2023/KDTM-ST**
Ngày 02 tháng 6 năm 2023
V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đỗ Thị Sỹ Long**

2. Ông **Phạm Bá Xuân**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thùy Linh**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình:

Bà **Bùi Mai Phương** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 162/2022/TL – KDTMST ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2023/QĐST - KDTM ngày 18 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2023/QĐST-HPT ngày 09 tháng 5 năm 2023 giữa:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng A**. Địa chỉ trụ sở chính: Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Hữu Đ. Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: **Công ty X**. Địa chỉ trụ sở chính: Phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Văn P - Chức vụ: Tổng Giám đốc theo Hợp đồng ủy quyền số 154/UQ ngày 18/03/2021. Người đại diện theo ủy quyền lại: bà Lê Thanh N - Chức vụ: Phó phòng THN Tổ tụng Công ty Y theo Văn bản ủy quyền số 27/UQ ngày 10/01/2022. Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Nguyễn Hưng T theo Giấy ủy quyền số 5089/UQ ngày 14 tháng 11 năm 2022. Ông T có mặt tại phiên tòa.

* Bị đơn: **Công ty B**. Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/10/2012. Địa chỉ: Phường Vĩnh Phúc, quận Ba

Đình, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Đình C- chức vụ: Giám đốc (đã chết). Người đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Thị T theo Thông báo số 72/2023/TB-TA ngày 10/2/2023 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình về việc chỉ định người đại diện theo pháp luật của công ty. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh **Nguyễn Mạnh C**. Sinh năm 1983. Chị **Vũ Thị T**. Sinh năm 1986. Hộ khẩu thường trú tại phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Quách V** theo Giấy ủy quyền ngày 15/12/2022 tại Văn phòng Công chứng Z, thành phố Hà Nội. Địa chỉ quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Anh C, chị T, ông V vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

2. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1962 và bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1963. Địa chỉ: Phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Ông T, bà Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn - Ngân hàng A do người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hưng T trình bày:*

Ngày 28/6/2021, Công ty B và Ngân hàng A ký Hợp đồng cấp tín dụng số 27550.21.063.1900774.TD; Thỏa thuận trong việc cấp và sử dụng các khoản cấp tín dụng tại Ngân hàng A số 27550.21.063.1900774.TT ngày 28/6/2021 và khế ước nhận nợ số LD220284526 ngày 28/01/2022, A giải ngân cho B số tiền là: 5.500.000.000 đồng, ngày nhận nợ: 28/02/2022; ngày đến hạn 28/7/2022. Mục đích vay: Vay thanh toán tiền hàng cho CTCP Thiết bị y tế C Group. Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất thả nổi 8%/năm tại thời điểm giải ngân.

Tài sản bảo đảm: quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 12 địa chỉ phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CT: 541079; Số vào sổ cấp GCN: CS 47804 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 13/11/2019 cho ông Nguyễn Mạnh C và bà Vũ Thị T.

Quá trình thực hiện hợp đồng, A đã giải ngân cho Công ty B tổng số tiền là: 5.500.000.000 đồng. Công ty B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với A nên toàn bộ khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng. Tạm tính đến ngày 02/6/2023, Công ty B còn nợ A số tiền: Nợ gốc: 5.449.126.283 đồng; Nợ lãi trong hạn: 0 đồng; Nợ lãi quá hạn: 564.210.019 đồng; Tổng cộng: 6.013.336.302 đồng.

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty B thanh toán cho Ngân hàng A số tiền tạm tính đến ngày

02/6/2023 cụ thể: Nợ gốc: 5.449.126.283 đồng; Nợ lãi trong hạn: 0 đồng; Nợ lãi quá hạn: 564.210.019 đồng; Tổng cộng: 6.013.336.302 đồng.

- Buộc Công ty B thanh toán tiền nợ lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại các Hợp đồng cấp tín dụng kể từ ngày 03/6/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty B không thực hiện, thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành xử lý tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho A, tài sản bảo đảm là: Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 12 địa chỉ Phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CT: 541079; Số vào sổ cấp GCN: CS 47804 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 13/11/2019 cho ông Nguyễn Mạnh C và bà Vũ Thị T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 02895.2020/HĐTC, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/4/2020.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty B đối với Ngân hàng A. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty B vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho A cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không ủy quyền cho ai đến Tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được, Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm:***

+ Về thẩm quyền: Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

+ Xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng theo Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Tiến hành hòa giải, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, công bố chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ theo Điều 212, 205, 206, 207, 208, 209, 210 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

+ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa đã được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự và đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự;

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử

đã thực hiện đúng theo quy định tại chương XIV Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

+ Về hình thức hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ được các bên ký kết theo đúng quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và quyết định: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty B trả cho A số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng cấp tín dụng số 27550.21.063.1900774.TD; Thỏa thuận trong việc cấp và sử dụng các khoản cấp tín dụng tại A số 27550.21.063.1900774.TT ngày 28/6/2021 và khế ước nhận nợ số LD220284526 ngày 28/01/2022 đã ký cho đến khi Công ty B trả hết nợ.

Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 17814.20.063.1900774.BĐ số công chứng 02895.2020/HĐTC, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/4/2020 là phù hợp với quy định pháp luật cần được chấp nhận.

Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí; Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án yêu cầu thanh toán tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng giữa A với Công ty B. Mục đích vay: Thanh toán tiền hàng cho CTCP Thiết bị y tế C Group, xác định đây là tranh chấp kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

Công ty B có địa chỉ trụ sở tại phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Do công ty B không trả được khoản vay cho A sau khi đến hạn trả, A đã thông báo cho công ty thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng công ty không thanh toán trả cho ngân hàng A cả gốc và lãi. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và còn thời hiệu.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Bà Bạch Thị H là vợ của ông Trịnh Đình C – người đại diện theo pháp luật của Công ty B xuất trình Giấy khai tử của ông Trịnh Đình C, chết ngày 27/10/2022.

Tòa án nhân dân quận Ba Đình được Sở kế hoạch và đầu tư Hà Nội cung cấp: Các cổ đông sáng lập của Công ty B bao gồm:

1. Ông **Nguyễn Cao C**. Địa chỉ liên hệ: Phường Phúc Xá, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

2. Ông **Nguyễn Mạnh C**. HKTT: Phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Địa chỉ liên hệ: Phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

3. Bà **Vũ Thị T**. Sinh năm 1986. Hộ khẩu thường trú tại phường Cống Vị,

quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Căn cứ khoản 7 Điều 12 Luật doanh nghiệp 2020, Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội chỉ định bà **Vũ Thị T** là người đại diện theo pháp luật của Công ty B.

Hợp đồng cấp tín dụng số 27550.21.063.1900774.TD; Thỏa thuận trong việc cấp và sử dụng các khoản cấp tín dụng tại A số 27550.21.063.1900774.TT ngày 28/6/2021 và khế ước nhận nợ số LD220284526 ngày 28/01/2022 đã ký đáp ứng đủ điều kiện của chủ thể ký kết Hợp đồng và nội dung ký kết phù hợp với quy định của pháp luật nên là Hợp đồng tín dụng có giá trị pháp lý.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét.

[2]. Về nội dung:

Căn cứ vào Hợp đồng cấp tín dụng số 27550.21.063.1900774.TD; Thỏa thuận trong việc cấp và sử dụng các khoản cấp tín dụng tại A số 27550.21.063.1900774.TT ngày 28/6/2021 và khế ước nhận nợ số LD220284526 ngày 28/01/2022 giữa Công ty B và A. Ngay sau khi ký hợp đồng tín dụng A đã giải ngân cho Công ty B tổng số tiền là: 5.500.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với A nên toàn bộ dư nợ của khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn với lãi suất quá hạn theo quy định tại Hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 02/6/2023, Công ty B đã thanh toán cho A tổng số là 271.807.964 đồng cụ thể nợ gốc: 50.873.717 tổng; nợ lãi là: 220.934.247 đồng. Tại phiên tòa hôm nay A xác nhận Công ty B còn nợ A tổng số tiền tạm tính đến ngày 02/6/2023, cụ thể: Nợ gốc: 5.449.126.283 đồng; Nợ lãi trong hạn: 0 đồng; Nợ lãi quá hạn: 564.210.019 đồng; Tổng cộng: 6.013.336.302 đồng.

Qua đối chiếu nhận thấy cách tính lãi trong hạn, lãi quá hạn của các bên trong hợp đồng tín dụng là phù hợp với các điều khoản trong hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Xét thấy hợp đồng tín dụng ký kết giữa A và Công ty B được các bên ký kết có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Trong hợp đồng này, các bên tự nguyện giao kết thực hiện hợp đồng và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung hợp đồng, tại thời điểm ký hợp đồng các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội. Do đó, xác định đây là hợp đồng hợp pháp có hiệu lực thi hành đối với các bên và phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Bộ luật dân sự năm 2015.

Quá trình thực hiện Hợp đồng cấp tín dụng số 27550.21.063.1900774.TD; Thỏa thuận trong việc cấp và sử dụng các khoản cấp tín dụng tại A số 27550.21.063.1900774.TT ngày 28/6/2021 và khế ước nhận nợ số LD220284526 ngày 28/01/2022, Công ty B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 28/7/2022 nên

theo Điều 4.8.1 của Thỏa thuận trong việc cấp và sử dụng các khoản cấp tín dụng tại A số 27550.21.063.1900774.TT ngày 28/6/2021 quy định:

“Các trường hợp chuyển nợ quá hạn: A chuyển các khoản nợ quá hạn khi Khách hàng không thanh toán các khoản nợ đầy đủ, đúng hạn đã thỏa thuận tại Thỏa thuận này và/hoặc Hợp đồng cấp tín dụng hoặc thời hạn theo yêu cầu của A (bao gồm cả trường hợp Khách hàng phải trả nợ trước hạn mà đến thời hạn thu hồi nợ Khách hàng không thanh toán) và không được A chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

Thời điểm chuyển nợ quá hạn là ngày liền sau ngày Khách hàng phải thanh toán. Trong trường hợp A cấp tín dụng theo phương thức bảo lãnh, phát hành Thư tín dụng (LC) thì kể từ ngày liền sau ngày A trả thay là thời điểm chuyển nợ quá hạn, trừ trường hợp A có quyết định khác; toàn bộ số tiền A trả thay khi chuyển nợ quá hạn được xác định là Dư nợ gốc quá hạn.”.

Từ nhận định trên có đủ căn cứ xác nhận Công ty B còn nợ A theo Hợp đồng cấp tín dụng số 27550.21.063.1900774.TD; Thỏa thuận trong việc cấp và sử dụng các khoản cấp tín dụng tại A số 27550.21.063.1900774.TT ngày 28/6/2021 và khế ước nhận nợ số LD220284526 ngày 28/01/2022 giữa Công ty B và A bao gồm: Nợ gốc: 5.449.126.283 đồng; Nợ lãi trong hạn: 0 đồng; Nợ lãi quá hạn: 564.210.019 đồng; Tổng cộng: 6.013.336.302 đồng tạm tính đến ngày 02/6/2023 và tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày Công ty B thực tế thanh toán hết nợ cho A.

[3] Đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của A: Xét yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị đơn không thanh toán trả cho A nợ gốc và nợ lãi thì A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thi hành án.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 17814.20.063.1900774.BĐ số công chứng 02895.2020/HĐTC, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/4/2020 giữa ông Nguyễn Mạnh C, bà Vũ Thu T và A. Ông C, bà T đã đồng ý thế chấp tài sản của mình là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 12 địa chỉ số phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CT: 541079; Sổ vào sổ cấp GCN: CS 47804 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 13/11/2019 cho ông Nguyễn Mạnh C và bà Vũ Thị T, cụ thể:

Tại Điều 2.2 của Hợp đồng thế chấp quy định về nghĩa vụ bảo đảm:

“Nghĩa vụ được bảo đảm theo Hợp đồng này là toàn bộ nghĩa vụ tài chính của Bên được cấp tín dụng, bao gồm nghĩa vụ thanh toán, trả nợ gốc, nợ lãi, các chi phí, phí, các khoản tiền phạt, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính phát sinh khác (nếu có) theo các thỏa thuận về việc cho vay, bảo lãnh, chiết khấu, phát hành thư tín dụng, cấp thẻ tín dụng, các hình thức cấp tín dụng khác và các

phụ lục, văn bản thỏa thuận sửa đổi bổ sung ký kết giữa Bên được cấp tín dụng với tất cả các Đơn vị thuộc mạng lưới hoạt động của A (sau đây gọi là “Hợp đồng cấp tín dụng”), cụ thể:

Hợp đồng cấp tín dụng số: [17636.20.063.1900774.TD](#) ngày 28/4/2020.

Các Hợp đồng cấp tín dụng được ký kết trong khoảng thời gian từ ngày ký hợp đồng này đến 31/12/2070 (bao gồm mọi nghĩa vụ thanh toán, trả nợ của các Hợp đồng cấp tín dụng được phát sinh trong và sau khoảng thời gian này).

Các Hợp đồng cấp tín dụng được xác lập trước và sau thời điểm ký Hợp đồng này.”

Như vậy, tài sản nêu trên bảo đảm cho việc thực hiện tất cả các nghĩa vụ của Công ty B tại A. Việc ký kết là hoàn toàn tự nguyện không trái các quy định của pháp luật và đã được ông C, bà T đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 28/4/2020 và được Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội xác nhận thể chấp vào ngày đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 28/4/2020. Việc ông C, bà T ký hợp đồng thể chấp là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và các bên tham gia ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Ông C, bà T dùng tài sản của mình để đảm bảo cho khoản vay của Công ty B theo Hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Như vậy, có đủ căn cứ để xác nhận các hợp đồng thể chấp nêu trên có giá trị pháp lý. Vì vậy, yêu cầu của A đề nghị Tòa án tuyên khi án có hiệu lực pháp luật mà bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ thì A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm để đảm bảo thi hành án là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác trong trường hợp các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

- **Về án phí sơ thẩm:** A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

- Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

- Vì các căn cứ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 201; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 Luật tổ chức tín dụng (Đã được sửa đổi bổ sung năm 2010).

Căn cứ Điều 335, 336, 338, 339, 340, 341, 342; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về Giao dịch bảo đảm.

Căn cứ Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của A yêu cầu Công ty B thanh toán trả cho A toàn bộ nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn theo Hợp đồng cấp tín dụng số 27550.21.063.1900774.TD; Thỏa thuận trong việc cấp và sử dụng các khoản cấp tín dụng tại A số 27550.21.063.1900774.TT ngày 28/6/2021 và khế ước nhận nợ số LD220284526 ngày 28/01/2022.

- Xác nhận Công ty B còn nợ A số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng cấp tín dụng số 27550.21.063.1900774.TD; Thỏa thuận trong việc cấp và sử dụng các khoản cấp tín dụng tại A số 27550.21.063.1900774.TT ngày 28/6/2021 và khế ước nhận nợ số LD220284526 ngày 28/01/2022 với số tiền bao gồm: Nợ gốc: **5.449.126.283 (Năm tỷ, bốn trăm bốn mươi chín triệu, một trăm hai mươi sáu nghìn, hai trăm tám mươi ba)** đồng; Nợ lãi trong hạn: **0 (không)** đồng; Nợ lãi quá hạn: **564.210.019 (Năm trăm sáu mươi tư triệu, hai trăm mười nghìn, không trăm mười chín)** đồng; Tổng cộng: **6.013.336.302 (Sáu tỷ, không trăm mười ba triệu, ba trăm ba mươi sáu nghìn, ba trăm linh hai)** đồng tạm tính đến ngày 02/6/2023.

- Buộc Công ty B phải thanh toán trả cho A tổng số tiền bao gồm: Nợ gốc: **5.449.126.283 (Năm tỷ, bốn trăm bốn mươi chín triệu, một trăm hai mươi sáu nghìn, hai trăm tám mươi ba)** đồng; Nợ lãi trong hạn: **0 (không)** đồng; Nợ lãi quá hạn: **564.210.019 (Năm trăm sáu mươi tư triệu, hai trăm mười nghìn, không trăm mười chín)** đồng; Tổng cộng: **6.013.336.302 (Sáu tỷ, không trăm mười ba triệu, ba trăm ba mươi sáu nghìn, ba trăm linh hai)** đồng tạm tính đến ngày 02/6/2023.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, Công ty B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp Công ty B không trả được nợ, A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi

hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 12 địa chỉ phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CT: 541079; Sổ vào sổ cấp GCN: CS 47804 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 13/11/2019 cho ông Nguyễn Mạnh C và bà Vũ Thị T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 17814.20.063.1900774.BĐ số công chứng 02895.2020/HĐTC, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/4/2020.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp nêu trên sẽ được thanh toán toàn bộ nợ trong các hợp đồng tín dụng nêu trên, nếu có dư Ngân hàng A phải trả lại cho bên thế chấp, nếu thiếu thì bên vay tiền tiếp tục phải trả cho A số tiền còn thiếu.

3. Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty B phải chịu **114.013.336** (Một trăm mười bốn triệu, không trăm mười ba nghìn, ba trăm ba mươi sáu) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **56.000.000** (Năm mươi sáu triệu) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002713 ngày 18 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người đại diện theo pháp luật của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2023. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhung